



**BỘ CÔNG THƯƠNG**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ PHỤ TÙNG SÀI GÒN**  
**SAIGON MACHINERY SPARE PARTS JOINT STOCK COMPANY**

Địa chỉ: số 8 Lê Duẩn, P Bến Nghé, Q 1, TPHCM

Điện thoại: 08 38224065 Fax: 08 38225382

Email: [machinco@hcm.vnn.vn](mailto:machinco@hcm.vnn.vn) Website: [www.saigonmachinco.com.vn](http://www.saigonmachinco.com.vn)

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2010**

*(kèm theo Thông tư số 09/2010/TT-BTC ngày 15 tháng 01 năm 2010 của Bộ trưởng  
Bộ Tài chính hướng dẫn về việc Công bố thông tin trên thị trường chứng khoán)*

--- 8008 ---

**CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ PHỤ TÙNG SÀI GÒN** là công ty cổ phần được thành lập theo Giấy CNĐKKD số 0300542187 (số cũ 4103003152) (đăng ký thay đổi lần thứ 14 ngày 1/6/2010) do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp Hồ Chí Minh cấp ngày 01/03/2005.

- Tên đầy đủ: Công ty Cổ phần Thiết bị Phụ tùng Sài Gòn
- Tên tiếng Anh: Saigon Machinery Spare Parts Joint Stock Company
- Tên viết tắt: SAIGON MACHINCO
- Logo:



- Trụ sở : 8 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. HCM
- Điện thoại : (08) 3 8 22 40 65 Fax : (08) 3 8 22 53 82
- Mã số thuế : 0 3 0 0 5 4 2 1 8 7
- Website: [www.saigonmachinco.com.vn](http://www.saigonmachinco.com.vn)
- Email: [machinco@hcm.vnn.vn](mailto:machinco@hcm.vnn.vn)



## PHẦN I. LỊCH SỬ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

### 1. Những sự kiện quan trọng:

- Việc thành lập: Tiền thân là Công ty Thiết bị Phụ tùng Tp. HCM, một DNNN có bề dày lịch sử hơn 30 năm hoạt động trong ngành Vật tư - Thiết bị - Phụ tùng. Từ Ban vật tư trung ương cục miền Nam trước năm 1975 đến sau ngày đất nước thống nhất, Công ty Thiết bị Phụ tùng Miền Nam được hình thành – trực thuộc Tổng cục vật tư Miền Nam, trụ sở tại số 8 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, quận I; năm 1985 là Công ty Thiết bị Phụ tùng Tp. HCM – Bộ Vật tư, rồi Bộ Thương Mại, nay là Bộ Công Thương.
- Chuyển đổi sở hữu thành công ty cổ phần: Ngày 01/03/2005, từ DNNN chuyển đổi thành Công ty cổ phần Thiết bị Phụ tùng Sài Gòn.
- Niêm yết: Đầu niêm yết cổ phiếu tại Sở giao dịch chứng khoán Tp. Hồ Chí Minh, ngày 19/10/2010.
- Các sự kiện khác: Ngày 22/09/2009 Công ty tổ chức Lễ Khởi công dự án đầu tư xây dựng Nhà máy thủy điện Đáklglun – tỉnh Bình Phước, công suất 18 MW, Tổng mức đầu tư gần 600 tỷ VND.

### 2. Quá trình phát triển:

- Ngành nghề kinh doanh: *Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế công ty cổ phần, số 0300542187 (đăng ký lần đầu ngày 01/03/2005, số ĐKKD: 4103003152; đăng ký thay đổi lần thứ 14 ngày 01/06/2010) gồm: Mua bán máy các loại, phương tiện vận tải, thiết bị chuyên dùng, thiết bị bưu chính viễn thông, nguyên liệu vật tư cho sản xuất, hàng công nghiệp, hàng tiêu dùng: điện tử-phân bón-kim loại màu-hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh), phụ tùng, linh kiện đồng bộ phục vụ sản xuất và phục vụ bảo dưỡng-sửa chữa, vật liệu xây dựng, sản phẩm từ composite, hàng điện lạnh, nông-lâm-hải sản, đồ gỗ, hàng may mặc. Kinh doanh nhà hàng và lưu trú du lịch; khách sạn (không kinh doanh tại trụ sở). Dịch vụ giao nhận hàng hóa, môi giới vận tải. Dịch vụ bảo dưỡng, sửa chữa, cho thuê nhà xưởng, kho, bãi, văn phòng, máy móc thiết bị. Mua bán ô tô, xe máy, tàu thủy, thiết bị đồng bộ phục vụ công nghiệp, vật liệu xây dựng. San lấp mặt bằng. Tháo dỡ công trình. Xây dựng dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi. Tư vấn xây dựng (trừ kinh doanh dịch vụ thiết kế công trình, thiết kế quy hoạch, giám sát thi công, khảo sát xây dựng). Tư vấn đầu tư (trừ tư vấn tài chính, kê toán). Đại lý kinh doanh xăng dầu. Đại lý vận tải đường biển. Đại lý bán vé máy bay-ô tô-tàu hỏa. Chế biến nông-lâm-hải sản, sản xuất hàng may mặc (không chế biến, sản xuất tại trụ sở). Mua bán vật tư, trang thiết bị y tế. Kinh doanh nhà ở. Mua bán mỹ phẩm. Đầu tư xây dựng và kinh doanh nhà ở, văn phòng cho thuê. Đầu tư xây dựng công trình thủy điện, khu du lịch. Mua bán phế liệu (không hoạt động tại trụ sở). Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng ô tô. Sản xuất đá mài, đá cắt (không hoạt động tại trụ sở). Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và sản phẩm bằng kim loại (không sản xuất tại trụ sở). Trồng rừng và chăm sóc rừng lấy gỗ. Trồng cây hồ tiêu. Trồng cây cao su. Trồng cây cà phê. Khai thác đá (không hoạt động tại trụ sở). Khai thác đất sét (không hoạt động tại trụ sở). Kinh doanh bất động sản.*



- Tình hình hoạt động: Nhiệm kỳ thứ nhất HĐQT, Ban kiểm sát công ty từ 2005 đến 2010 đã kết thúc tốt đẹp, Vốn điều lệ Công ty tăng trưởng từ 11 tỷ VNĐ lên 80,6 tỷ VNĐ, mức tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận năm sau cao hơn năm trước từ 20% trở lên, cổ tức từ 12% năm 2005 tăng lên 20% năm 2010; Công ty đã ứng dụng phần mềm kế toán trong hạch toán và áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2000 và 9001:2008. Công ty đã được Chủ tịch nước tặng Huân chương lao động hạng III năm 2007, Cờ thi đua xuất sắc Thủ tướng chính phủ tặng năm 2008 và 2010. Ngày 27/03/2010 Đại hội cổ đông đã bầu HĐQT và Ban kiểm sát mới có đầy đủ uy tín và năng lực lãnh đạo, đưa Công ty tiếp tục phát triển ổn định lâu dài, thương hiệu Saigon Machinco ngày một có uy tín trên thương trường.

### **3. Định hướng phát triển:**

Năm 2011 vẫn là năm tiếp tục đầy khó khăn với nguy cơ lạm phát tăng cao, tỷ giá USD biến đổi không ngừng và lãi vay của các tổ chức tín dụng tăng cao, cùng với khả năng huy động nguồn vốn bị hạn chế. Từ đó toàn thể cổ đông cũng như CBCNV công ty cần ý chí quyết tâm rất lớn và sự đoàn kết tối đa để hoàn thành định hướng kế hoạch sản xuất kinh doanh như sau:

+ Về công tác tổ chức, nhân sự:

- Tiếp tục giữ vững, ổn định và phát triển tối ưu nguồn nhân lực phục vụ kinh doanh thương mại.
- Hoàn thành và ổn định nhân lực cho Nhà máy thủy điện ĐakGlun ở giai đoạn vận hành thương mại ban đầu. Kiểm toán xong nhà máy thủy điện Đăkglun.
- Ông định công tác hành chính trong quá trình di chuyển văn phòng công ty.

+ Kế hoạch sản xuất kinh doanh:

- Hoàn thành công tác chuyển đổi Trái phiếu thành Cổ phiếu niêm yết trên sàn HOSE. Tiếp tục đầu tư và nâng cao thương hiệu công ty cũng như cổ phiếu SMA trên thương trường.
- Doanh số : 700 tỷ đồng
- Lợi nhuận trước thuế : 34 tỷ
- Dự kiến cổ tức : trên 20%
- Thu nhập bình quân của người lao động tăng trên 10% so với năm 2010

+ Các dự án đầu tư trọng điểm:

- Hoàn thành và đưa vào sản xuất thương mại Nhà máy thủy điện Dak Glun. Tách Nhà máy thủy điện ĐakGlun thành 1 pháp nhân độc lập (công ty TNHH một thành viên hoặc công ty cổ phần).
- Tiếp tục xử lý các vướng mắc hành chính liên quan tới các dự án đầu tư bất động sản trọng điểm để chuẩn bị công tác khởi công năm 2012.

+ Công tác phát triển nguồn vốn:

Để đáp ứng được hoạt động đầu tư sản xuất kinh doanh năm 2011 cần tăng thêm tối thiểu 80 tỷ đồng tiền vốn, từ đó Đại hội cổ đông quyết định phương án huy động nguồn vốn này.

+ Phát động phong trào thi đua toàn diện sáng tạo tiết kiệm:

- Tiếp tục phát động phong trào thi đua lao động sáng tạo, nâng cao chất lượng hiệu quả trong sản xuất kinh doanh đầu tư toàn công ty. Thực hành tốt nhất công tác tiết kiệm.
  - Tiếp tục xây dựng tổ chức Đảng, Công đoàn trong sạch vững mạnh tiêu biểu suất sắc. Đưa phong trào HỌC VÀ LÀM THEO TÂM GƯƠNG ĐẠO ĐỨC HỒ CHÍ MINH áp dụng vào tiễn hoạt động của công ty.
  - Nâng cao công tác xã hội từ thiện hơn nữa, tăng trên 15% so với năm 2010
- + Slogan năm 2011: *Năng động sáng tạo – Hợp tác hiệu quả - Thi đua hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ năm 2011.*
- + **Triển vọng và kế hoạch trong tương lai:**

Với định hướng rõ ràng, chính xác và các tiêu chí cụ thể của HĐQT công ty cũng như tại các ĐHĐCĐ thường niên; Saigon machinco sẽ từng bước vươn lên từ một doanh nghiệp trung bình trở thành 1 doanh nghiệp lớn đến năm 2015. Doanh số hằng năm tăng từ 15% trở lên. Công ty sẽ mở rộng hơn nữa trên các định hướng vạch sẵn là: đầu tư sản xuất, đầu tư bất động sản, trung tâm thương mại khách sạn và kinh doanh thương mại dịch vụ tổng hợp.

## PHẦN II. BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY

### ➤ Báo cáo của Hội đồng quản trị năm 2010.

Năm 2010 là năm khó khăn đầy thách thức đối với Công ty cổ phần thiết bị phụ tùng Sài Gòn, các mặt hàng kinh doanh thương mại chủ yếu của công ty đều luân chuyển rất chậm do sức mua của thị trường thấp, lãi suất Ngân hàng cao và tỷ giá hối đoái diễn biến phức tạp; Bên cạnh đó nguồn lực của công ty phải tập trung cao độ cho việc đầu tư xây dựng Nhà máy thủy điện ĐakGlun tỉnh Bình Phước. Nhưng với ý chí quyết tâm, sự đoàn kết nhất trí cao của toàn thể CBCNV cũng như cổ đông và sự lãnh đạo sáng suốt của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng giám đốc, Ban chấp hành Đảng ủy, Công ty chúng ta đã vượt qua mọi thách thức và hoàn thành nhiệm vụ xuất sắc năm 2010. Cụ thể như sau:

#### ❖ **Những công việc đã hoàn thành trong năm 2010:**

##### + **Về công tác tổ chức, nhân sự:**

- Đã tổ chức thành công Đại hội cổ đông thường niên năm 2010 và bầu được HĐQT, BKS nhiệm kỳ 2010 -2015 mới. Bổ nhiệm lại đội ngũ cán bộ chủ chốt của công ty trong nhiệm kỳ mới.
- Đã điều chỉnh vừa tăng vừa giảm nhân sự: Từ 112 người đầu năm còn 102 cuối năm.
- Giải thể phòng KD VTKT, thành lập phòng KD Vật tư tổng hợp và đổi tên phòng KĐĐT thành Phòng KD XNK.
- Ôn định công tác tổ chức, đào tạo cho Nhà máy thủy điện ĐakGlun để chuẩn bị bước vào vận hành nửa đầu năm 2011.
- Bổ nhiệm một Phó tổng GĐ KD và 7 trưởng phòng, trưởng kho.
- Sau 2 năm 2009,2010 không điều chỉnh tiền lương thì cuối năm 2010 đã xây dựng phương án tiền lương cho năm 2011.



**+ Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:**

- Phát hành thành công Trái phiếu chuyển đổi nội bộ và niêm yết cổ phiếu công ty SMA lên sàn chứng khoán TPHCM. Minh bạch hóa hoạt động của công ty thông qua cổ phiếu SMA trên sàn chứng khoán HOSE, từng bước nâng cao thương hiệu Sài Gòn Machinco.
- Doanh thu : 609.885.464.101 đồng, tăng 3,5% so với 2009.
- Nộp ngân sách : 30.858.358.047 đồng, tăng 41,53% so với 2009.
- Lợi nhuận trước thuế : 26.461.498.846 đồng, tăng 32,55% so với 2009
- Tổng giá trị tài sản : 656.587.196.383 đồng, tăng 57,1% so với 2009.
- Vốn chủ sở hữu : 94.521.114.793 đồng, tăng 3,24% so với 2009.
- Vốn điều lệ : 80.600.000.000 đồng
- Dự kiến cổ tức : 16.120.000.000 đồng, tăng 33,33% so với 2009. tương ứng 20%/ mệnh giá cổ phần.
- Quỹ đầu tư phát triển : 1.615.083.401 đồng .
- Quỹ dự phòng tài chính : 1.039.377.976 đồng.
- Quỹ phúc lợi khen thưởng : 1.067.679.422 đồng
- Không vi phạm pháp luật, không có nợ mất khả năng thu hồi.
- Thu nhập bình quân người lao động: 5.500.000 đồng/tháng tăng 10% so với 2009

Tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm cuối năm lành mạnh, không có nợ quá hạn hoặc nợ khó đòi. Đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH kiểm toán và dịch vụ tin học Tp. HCM.

**+ Các dự án đầu tư trọng điểm:**

- Đầu mạnh xây dựng thủy điện Đak Glun, dự kiến phát điện thương mại vào tháng 6/2011.
- Chuyển nhượng xong quyền đầu tư dự án tại số 8 Lê Duẩn, Quận 1.
- Đang khẩn trương xử lý những vướng mắc của Dự án đầu tư BDS tại Quận 4 và Quận Thủ Đức.
- Mua nhà 81 Phan Đăng Lưu – F7- quận Phú Nhuận làm văn phòng công ty.

**+ Công tác Đảng, công tác Công đoàn, công tác xã hội từ thiện và phong trào thi đua sáng tạo:**

- Xây dựng Đảng bộ cơ sở đạt tiêu chuẩn trong sạch vững mạnh tiêu biểu 5 năm liền 2005 – 2010.
- Xây dựng Công đoàn trong sạch vững mạnh tiêu biểu.
- Phát động tốt phong trào thi đua trong toàn công ty và đã đạt được các kết quả: Thủ tướng Chính phủ tặng cờ thi đua xuất sắc năm 2010 cho Công ty; Bộ trưởng Bộ Công Thương tặng bằng khen cho 3 đơn vị trực thuộc và 6 cá nhân tiêu biểu trong năm 2010, tặng danh hiệu chiến sĩ thi đua cho 7 cá nhân. Chủ tịch UBND T/P Hồ Chí Minh tặng Bằng khen cho Công ty và 1 cá nhân. Đang đề nghị Thủ tướng Chính phủ tặng bằng khen cho Phòng KD XNK với thành tích xuất sắc 5 năm liền và 4 cá nhân tiêu biểu xuất sắc 5 năm liền. Đang đề nghị Chủ tịch nước tặng Huân chương lao động hạng 3 cho 3 cá nhân có thành tích đặc biệt xuất sắc 5 năm liền. Đang đề nghị Thủ tướng Chính phủ tặng danh hiệu Chiến sỹ thi đua toàn quốc cho 1 cá nhân



xuất sắc 6 năm liền. Đang đề nghị Thành ủy TPHCM tặng bằng khen cho Đảng bộ trong sạch vững mạnh tiêu biểu 5 năm liền.

- Tổng giá trị đóng góp xã hội từ thiện trong năm là 135.800.000 đồng

**+ Những tồn tại do yếu tố chủ quan và hướng xử lý khắc phục:**

- Chưa có bộ máy cán bộ chủ chốt năng động và sáng tạo.
- Nghiệp vụ quản lý đầu tư xây dựng còn hạn chế. Năng xuất lao động còn ở mức trung bình.
- Chưa có nền tảng sản xuất bền vững lâu dài, mặt hàng kinh doanh dịch vụ có lợi thế đặc sắc. Không tìm được yếu tố mới trong sản xuất kinh doanh thương mại.

**Hướng khắc phục:**

- *Đổi mới và tối ưu trong công tác cán bộ, đặc biệt là người đứng đầu đơn vị. Trên cơ sở bước đầu sản xuất điện năng (Nhà máy thủy điện), tiếp tục mở rộng tìm kiếm yếu tố đặc trưng trong sản xuất thương mại dịch vụ của công ty.*
- *Nâng động, uyển chuyển, sáng tạo để giảm tối đa rủi ro, nâng cao hiệu quả rõ rệt trong sản xuất kinh doanh thương mại. Đánh giá đúng đối tác hợp tác theo định hướng lâu dài bền vững.*
- *Nâng cao vượt mức hiệu suất lao động của mỗi CBCNV.*

### PHẦN III. BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

#### 1. Báo cáo tình hình tài chính

##### 1.1 Phân tích các chỉ số

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2009	Năm 2010
<b>1. Khả năng sinh lời</b>			
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/ doanh thu thuần	%	3,077	3,40
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/ nguồn vốn chủ sở hữu	%	19,74	20,99
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/ tổng tài sản	%	4,32	3,21
<b>2. Khả năng thanh toán</b>			
Khả năng thanh toán ngắn hạn:TSLĐ/ nợ ngắn hạn	lần	1,57	1,46
Khả năng thanh nhanh:TSLĐ-Hàng tồn kho/ nợ ngắn hạn	lần	1,02	1,22



**1.2 Tóm tắt số liệu tài chính của công ty so với hai năm gần nhất và so với kế hoạch năm 2010**

**Đơn vị tính: triệu đồng**

STT	Chỉ tiêu	KH năm 2010	Năm 2009	Năm 2010	% so với KH 2010
1	Tổng số tài sản hiện có		417,931	656,587	
2	Tài sản ngắn hạn		382,912	339,530	
3	Tổng số các khoản nợ		325,461	562,066	
4	Các khoản nợ hiện hành		242,933	216,436	
5	Nguồn vốn chủ sở hữu		92,470	94,521	
	Trong đó: Vốn điều lệ		80,600	80,600	
6	Lợi nhuận trước thuế	23,000	19,964	26,461	115,05
7	Lợi nhuận sau thuế	18,000	18,075	19,842	110,23
8	Tổng doanh thu thuần	600,000	587,329	609,885	101,65
9	Nộp ngân sách nhà nước	27,500	23,015	30,858	112,21

Năm 2010 công ty tập trung mọi nguồn lực để xây dựng nhà máy Thủy điện Dak Glun để đảm bảo hoàn thành đúng tiến độ. Mặc dù điều kiện kinh tế rất khó khăn nhưng công ty đã phấn đấu hoàn thành vượt mức kế hoạch. Các chỉ số tài chính đã cho thấy công ty ngày càng phát triển vững chắc.

**1.3 Giá trị sổ sách tại thời điểm 31/12 của năm báo cáo: 656.587.196.383 đồng.**

**1.4 Những thay đổi về vốn cổ đông/vốn góp**

- Trong năm 2010, công ty đã phát hành thành công 806.000 Trái phiếu chuyển đổi (mỗi trái phiếu mệnh giá: 100.000 đồng) và dự kiến chuyển đổi thành cổ phiếu vào đầu quý 3/2011.
- Tổng số cổ phiếu theo từng loại: 8.060.000 cổ phiếu thường, không có cổ phiếu ưu đãi.
- Tổng số trái phiếu đang lưu hành theo từng loại: 806.000 trái phiếu có thể chuyển đổi
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành theo từng loại: 8.060.000 cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu dự trữ, cổ phiếu quỹ theo từng loại: không có

**1.5 Cổ tức**

Cô tức năm 2010 của công ty CP thiết bị phụ tùng Sài gòn đã được ĐHĐCĐ thông qua là: 20%. Công ty đã tạm ứng 15%.

## 2. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2010	Thực hiện năm 2010	Tỷ lệ %
1	Doanh thu thuần	600.000	609.884	101,65
2	Lợi nhuận trước thuế	23.000	26.461	115,05
3	Thuế TNDN	5.750	6.619	115,11
4	Lợi nhuận sau thuế	18.000	19.842	110,23
5	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn điều lệ (%)	22,33	24,62	110,55
6	Cô tức (%)	15	20	133,33
7	Nộp ngân sách	27.500	30.858	112,11

- Hoạt động đầu tư: Công ty hiện là Chủ đầu tư của một số dự án trọng điểm; trong đó có dự án Nhà máy Thủy điện Đak Glun đang xây dựng đạt tiến độ 85-90%; dự kiến tháng 6/2011 sẽ phát điện thương mại.
  - o Tồn tại: Chưa có kinh nghiệm trong quản lý đầu tư xây dựng, vừa làm vừa tìm tòi học hỏi nên hiệu quả công việc chưa cao.
- Hoạt động kinh doanh thương mại; dịch vụ: Công ty đã tối ưu hóa trong kinh doanh thương mại và dịch vụ. Năm 2010 do tình hình tiền tệ có nhiều biến động (lãi suất; tỷ giá liên tục tăng cao) nên đã làm ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh thương mại; dịch vụ của Công ty.
  - o Tồn tại: Chưa tạo được mặt hàng kinh doanh thương mại chủ lực, chưa có nền tảng sản xuất bền vững lâu dài.
- Hoạt động tài chính:
- Hoạt động tài chính của Công ty năm 2010 đạt kết quả cao, sử dụng vốn an toàn và hiệu quả. Trong cả năm công ty không có nợ quá hạn ngân hàng; không có nợ phải thu khó đòi. Quan hệ tốt với các tổ chức tín dụng; huy động vốn trong CBCNV và cổ đông để vay vốn phục nhu cầu sản xuất kinh doanh của công ty. Thực hiện chế độ báo cáo đúng quy định
  - o Tồn tại: Chưa xây dựng được kế hoạch tài chính trung và dài hạn và chủ động để đáp ứng nguồn vốn cho các dự án lớn.

## PHẦN IV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

## BẢNG CÂN ĐỒI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2010	01/01/2010
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b> (100 = 110+120+130+140+150)	100		<b>317.057.117.799</b>	<b>382.912.320.810</b>
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.01	32.342.263.758	26.871.542.513
1. Tiền	111		32.342.263.758	26.871.542.513
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.02	400.000.000	200.000.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121		400.000.000	200.000.000
2. Dự phòng đầu tư ngắn hạn khác	122		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		216.829.650.616	291.820.466.751
1. Phải thu của khách hàng	131		154.573.255.296	183.012.635.453
2. Trả trước cho người bán	132		51.108.151.742	105.811.528.753
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.03	11.148.243.578	2.996.302.545
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140	V.04	52.703.193.613	59.775.904.825
1. Hàng tồn kho	141		52.703.193.613	59.775.904.825
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		14.782.009.812	4.244.406.721
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		26.532.000	9.900.000
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		3.395.457.009	4.112.006.721
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	100.000.000
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.05	11.360.020.803	22.500.000



## BẢNG CÂN ĐỒI KÉ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2010	01/01/2010
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b> (200 = 210+220+240+250+260)	200		339.530.078.584	35.019.614.976
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>			
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213	V.06	-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218	V.07	-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>338.790.088.584</b>	<b>34.279.624.976</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.08	5.974.132.147	6.573.829.076
- Nguyên giá	222		18.866.466.355	17.784.083.517
- Giá trị hao mòn luỹ kế	223		(12.892.334.208)	(11.210.254.441)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn luỹ kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
- Nguyên giá	228		-	-
- Giá trị hao mòn luỹ kế	229		-	-
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.11	332.815.956.437	27.705.795.900
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>			
- Nguyên giá	241		-	-
- Giá trị hao mòn luỹ kế	242		-	-
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>V.13</b>	<b>739.990.000</b>	<b>739.990.000</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258		999.990.000	999.990.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(260.000.000)	(260.000.000)
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>			
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		-	-
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	263		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>656.587.196.383</b>	<b>417.931.935.786</b>



## BẢNG CÂN ĐỒI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2010	01/01/2010
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)</b>	<b>300</b>		<b>562.066.081.590</b>	<b>326.378.654.074</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>216.436.074.420</b>	<b>243.850.426.904</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.15	82.497.660.660	70.168.353.583
2. Phải trả cho người bán	312		77.878.072.551	114.036.579.539
3. Người mua trả tiền trước	313		20.516.616.796	43.987.628.112
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.16	3.960.057.837	2.612.670.421
5. Phải trả người lao động	315		-	3.500.458
6. Chi phí phải trả	316	V.17	13.622.071.416	4.584.538.142
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.18	16.441.742.664	7.539.862.257
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		1.519.852.496	917.294.392
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu chính phủ	327		-	-
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>345.630.007.170</b>	<b>82.528.227.170</b>
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.20	345.600.000.000	82.498.220.000
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		30.007.170	30.007.170
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-



## BẢNG CÂN ĐỒI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2010	01/01/2010
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU ( $400 = 410 + 430$ )	400		94.521.114.793	91.553.281.712
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.22	94.521.114.793	91.553.281.712
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		80.600.000.000	80.600.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		313.371.704	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		9.500.393.474	7.885.310.073
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		4.045.264.541	3.005.886.565
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		62.085.074	62.085.074
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		-	-
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>656.587.196.383</b>	<b>417.931.935.786</b>

## CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỒI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	31/12/2010	01/01/2010
1. Tài sản thuế ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại		-	-
- USD		33.895,58	90.000,02
- JPY		105.123,00	106.168,00
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-



## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2010	Năm 2009
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI. 25	583.151.470.498	588.053.115.782
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI. 26	183.721.972	723.725.970
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI. 27	582.967.748.526	587.329.389.812
4. Giá vốn hàng bán	11	VI. 28	539.637.985.045	540.411.065.734
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>20</b>		<b>43.329.763.481</b>	<b>46.918.324.078</b>
(20 = 10 - 11)				
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.29	26.419.494.039	1.618.567.300
7. Chi phí tài chính	22	VI. 30	22.683.849.579	11.460.291.526
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		18.936.190.514	7.340.038.252
8. Chi phí bán hàng	24			
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		20.611.466.660	17.066.464.080
<b>10. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>26.453.941.281</b>	<b>20.010.135.772</b>
(30 = 20 + 21 - 22 - 24 - 25)				
11. Thu nhập khác	31	V.31	498.221.536	305.367.965
12. Chi phí khác	32	V.32	490.663.971	351.982.290
<b>13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)</b>	<b>40</b>		<b>7.557.565</b>	<b>(46.614.325)</b>
<b>14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>26.461.498.846</b>	<b>19.963.521.447</b>
(50 = 30 + 40)				
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	V.33	6.619.358.047	1.888.432.765
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52			
<b>17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>60</b>		<b>19.842.140.799</b>	<b>18.075.088.682</b>
(60 = 50 - 51 - 52)				
<b>18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>70</b>	V.36	<b>2.462</b>	<b>2.243</b>



## BÁO CÁO LUU CHUYÊN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2010	Năm 2009
<b>I. LUU CHUYÊN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT, KINH DOANH</b>				
1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ, doanh thu khác	01		516.667.780.839	496.493.996.409
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa dịch vụ	02		(467.886.909.368)	(338.546.239.226)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(5.113.385.863)	(6.842.623.759)
4. Tiền chi trả lãi vay	04		(10.714.533.149)	(7.586.675.961)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		(4.378.644.681)	(1.435.327.858)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		34.272.292.103	335.777.786.718
7. Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	07		(47.140.717.161)	(405.301.055.833)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động SXKD</b>	<b>20</b>		<b>15.705.882.720</b>	<b>72.559.860.490</b>
<b>II. LUU CHUYÊN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCD và các TSCD				
1. khác	21		(306.886.437.075)	(2.507.065.785)
2. Tiền thu từ thanh lý, bán TSCD và các TSDH khác	22		9.090.909	255.367.965
3. Tiền chi cho vay, mua bán công cụ nợ của đơn vị khác	23		(20.000.000.000)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		20.000.000.000	-
5. Tiền chi góp vốn đầu tư vào đơn vị khác	25		(12.500.000.000)	-
6. Tiền thu hồi vốn đầu tư vào đơn vị khác	26		37.500.000.000	-
7. Tiền thu từ lãi cho vay, cổ tức lợi nhuận được chia	27		1.212.397.614	-
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(280.664.948.552)</b>	<b>(2.251.697.820)</b>
<b>III. LUU CHUYÊN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	31		-	37.700.000
Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ				
2. phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		476.713.445.846	130.345.008.437
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(198.784.138.769)	(187.892.210.929)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(7.499.520.000)	(9.180.960.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>270.429.787.077</b>	<b>(66.690.462.492)</b>



## BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2010	Năm 2009
Lưu chuyên tiền thuần trong kỳ ( $50 = 20+30+40$ )	50		5.470.721.245	3.617.700.178
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		26.871.542.513	23.253.842.335
Ânh hưởng của chênh lệch tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61			
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (<math>70 = 50+60+61</math>)</b>	<b>70</b>		<b>32.342.263.758</b>	<b>26.871.542.513</b>

- Đơn vị kiểm toán: Công ty TNHH kiểm toán và dịch vụ tin học Tp. HCM.
- Các công ty có liên quan
  - Công ty nắm giữ trên 50% vốn cổ phần/vốn góp của tổ chức : Chưa có
  - Công ty có trên 50% vốn cổ phần/vốn góp do tổ chức: Chưa có.
- Tình hình đầu tư vào các công ty có liên quan: không có
- Ý kiến của Kiểm toán viên



Số: 11.10.672/AISC-DN4

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN & DỊCH VỤ TIN HỌC TP.HCM**  
**Auditing & Informatic Services Company Limited**

Office: 142 Nguyễn Thị Minh Khai, Quận 3, Thành Phố Hồ Chí Minh  
 Tel: (84.8) 3930 8163 (10 Lines)  
 Email: aisc@aisc.com.vn

Fax: (84.8) 3930 4281  
 Website: www.aisc.com.vn

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2010**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ PHỤ TÙNG SÀI GÒN**

**Kính gửi:****Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc.****Công ty Cổ phần Thiết Bị Phụ Tùng Sài Gòn**

Chúng tôi đã kiểm toán các báo cáo tài chính gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010, được lập ngày 20 tháng 01 năm 2011 của CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ PHỤ TÙNG SÀI GÒN từ trang 05 đến trang 28 kèm theo.

Việc lập và trình bày các báo cáo tài chính này thuộc về trách nhiệm Ban Tổng Giám đốc quý Công ty. Trách nhiệm của Chúng tôi là căn cứ vào việc kiểm toán để hình thành một ý kiến độc lập về các báo cáo tài chính này.

**Cơ sở ý kiến**

Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cẩn thận, các bảng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng như cách trình bày tổng quát các Báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của Chúng tôi.

**Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo quan điểm của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, các báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ PHỤ TÙNG SÀI GÒN tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

TP. HCM, ngày 20 tháng 03 năm 2011

**KIỂM TOÁN VIÊN****PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC****Trương Diệu Thúy****KIỂM TOÁN VIÊN****Nguyễn Thị Thanh Huyền**

Số chứng chỉ KTV: 1176/KTV  
 Bộ Tài Chính Việt Nam cấp

Số chứng chỉ KTV: 0212/KTV  
 Bộ Tài Chính Việt Nam cấp

Branch in Hà Nội: C2 Biocom, 32 Floor - FPT Lotte, VINCOM Building, Phan Hùng St, Cầu Giấy, Dist. Hà Nội

Tel: (04) 3782.046/46/47 Fax: (04) 3782.0548 Email: aisc@aisc.com.vn

Branch in Da Nang: 26 Hò Huỷ Tự Sr, Thành Phố Đà Nẵng

Tel: (0511) 351.9619 Fax: (0511) 351.9620

Representative in Cần Thơ: 06.30/6/18 - Lê Văn Kiểu Dist, Cần Thơ City

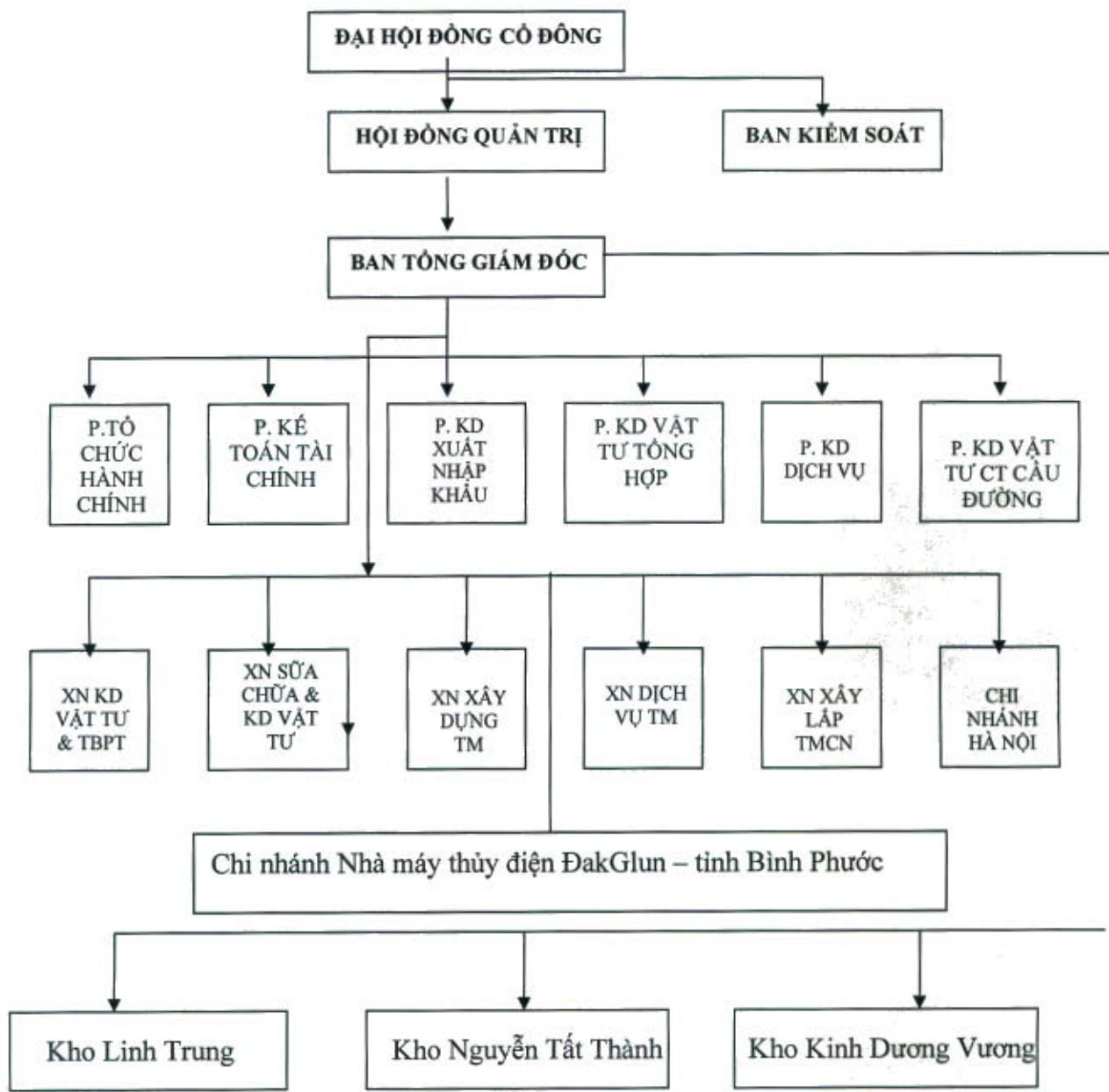
Tel: (0710) 361.0004 Fax: (0710) 3809.766

Representative in Hải Phòng: 18-Hoàng Văn Thụ St, Hàng Bông Dist, Hải Phòng

Tel: (031) 3569.527 Fax: (031) 3569.526

## PHẦN VII. TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

### 1. Cơ cấu tổ chức của Công ty.



Cơ cấu tổ chức của Công ty gồm có Ban Tổng Giám đốc, 06 phòng chức năng, 05 đơn vị trực thuộc và 01 chi nhánh Hà Nội.

### 2. Tóm tắt lý lịch của các cá nhân trong Ban điều hành



❖ **Chủ tịch Hội đồng quản trị - Nguyễn Đình Hiền:**

Họ và tên: **NGUYỄN ĐÌNH HIỀN**  
 Giới tính: Nam  
 Ngày, tháng, năm sinh: 26/02/1962  
 Nơi sinh: Hưng Đông – TP. Vinh – Nghệ An  
 Quê quán: Nghệ An  
 Địa chỉ thường trú: 163/53-55 Thành Thái – P14 – Q10 – TP. HCM  
 Chuyên môn: Đại học Bách Khoa – Ngành hóa Công nghiệp

Quá trình công tác:

- Từ 07/1986 – 11/1988;
- Từ 12/1988 – 12/1989
- Từ 01/1990 – 02/1992
- Từ 03/1992 – 04/1992
- Từ 05/1992 – 11/1993
- Từ 12/1993 – 03/2001
- Từ 04/2001 – 01/2004
- Từ 02/2004 – 02/2005
- Từ 03/2005 – nay

- Cán bộ kỹ thuật Xí nghiệp đồi sông Công ty Cao su Daklak
- Cán bộ kỹ thuật Xưởng sản xuất Công ty Cao su Daklak.
- Phó Xưởng Trưởng Xưởng sản xuất Công ty Cao su Daklak
- Cán bộ tổng hợp – Cty Thiết bị Phụ tùng TP. HCM
- Cửa hàng Phó Cửa hàng số 7 – Cty Thiết bị Phụ tùng TP. HCM
- Cửa hàng Trưởng CHsô 7-Cty TBPTTP. HCM
- Giám đốc Xí nghiệp Kinh doanh vật tư và Thiết bị Phụ tùng số 7 – Cty Thiết bị Phụ tùng TP. HCM
- Phó Giám đốc Công ty Thiết bị Phụ tùng TP. HCM.
- Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thiết bị Phụ tùng Sài Gòn.

• **Thành viên Hội đồng quản trị - Nguyễn Hữu Hưng:**

Họ và tên: **NGUYỄN HỮU HƯNG**  
 Giới tính: Nam  
 Ngày, tháng, năm sinh: 03/5/1953  
 Nơi sinh: Tương Giang – Từ Sơn – Bắc Ninh  
 Địa chỉ thường trú: 77/5B Quang Trung - P10 – Q Gò Vấp – TP. HCM  
 Chuyên môn: Đại học Bách Khoa – Ngành Ôtô-máy kéo, Khoa động lực

Quá trình công tác:

- Từ 01/1973 – 10/1977;
- Từ 11/1977 – 05/1982;
- Từ 06/1982 – 07/1985;
- Từ 08/1985 – 08/1988;
- Từ 09/1988 – 04/1992;
- Từ 05/1992 – 12/2000
- Từ 01/2001 – 02/2005
- Từ 03/2005 – nay

- Bộ đội sửa chữa pháo mặt đất E55 – F341
- Đại học Bách khoa TP. HCM
- Tổ trưởng kỹ thuật kho thiết bị Thủ Đức
- Trạm Phó Trạm tiếp nhận vận tải – Cty Thiết bị Phụ tùng TP. HCM
- Phó Phòng Kế hoạch tổng hợp – Cty Thiết bị Phụ tùng TP. HCM
- Trưởng Phòng Kế hoạch tổng hợp – Cty Thiết bị Phụ tùng TP. HCM
- Phó Giám đốc Cty Thiết bị Phụ tùng TP. HCM
- Phó Tổng Giám đốc Công ty CP TBPT Sài Gòn.



• **Thành viên Hội đồng quản trị - Trần Đức Phú:**

Họ và tên:	<b>TRẦN ĐỨC PHÚ</b>
Giới tính:	Nam
Ngày, tháng, năm sinh:	10/3/1965
Nơi sinh:	Phú Thọ
Quê quán:	Hà Tĩnh
Địa chỉ thường trú:	18A Nam Quốc Cang – P PNL – Qu 1 – TP. HCM
Chuyên môn	Đại học dệt Matxcova
Quá trình công tác:	
- Từ 01/1998 – 03/2000:	- Cán bộ phụ trách kinh doanh Cửa hàng số 12 - Cty Thiết bị Phụ tùng TP. HCM
- Từ 04/2000 – 02/2005:	- Phó Giám đốc Xí nghiệp sản xuất dịch vụ Tổng hợp – Cty Thiết bị Phụ tùng TP. HCM
- Từ 03/2005 – 09/2005:	- Trưởng Phòng Kinh doanh đầu tư – Công ty Cổ phần Thiết bị Phụ tùng Sài Gòn
- Từ 10/2005 – nay	- Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thiết bị Phụ tùng Sài Gòn.

• **Thành viên Hội đồng quản tri - Lê Thị Phương Mai:**

Họ và tên:	<b>LÊ THỊ PHƯƠNG MAI</b>
Giới tính:	Nữ
Ngày, tháng, năm sinh:	05/01/1958
Nơi sinh:	Sơn Lộc – Can Lộc - Hà Tĩnh
Quê quán:	Hà Tĩnh
Địa chỉ thường trú:	350 Tô Hiến Thành – P. 14 - Quận 10 – TP. HCM
Chuyên môn	Đại học Tài chính Kế toán
Quá trình công tác:	
- Từ 03/1978 – 10/1980:	- Cán bộ cải tạo tư sản thương nghiệp các DV XN
- Từ 11/1980 – 07/1985:	Bộ Tài chính
- Từ 08/1985 – 04/1991:	- Kế toán Liên hiệp cung ứng vật tư Khu vực II
- Từ 05/1991 – 03/1998	- Kế toán viên – Cty Thiết bị Phụ tùng TP. HCM
- Từ 04/1998 – 02/2005:	- Phó Phòng Kế toán – Cty TBPT TP. HCM
- Từ 03/2005 – nay	- Kế toán Trưởng – Cty Thiết bị Phụ tùng TP. HCM
	- Phó Tổng Giám đốc Công ty CP TBPT Sài Gòn

• **Thành viên Hội đồng quản tri - Đào Xuân Quý:**

Họ và tên:	<b>ĐÀO XUÂN QUÝ</b>
Giới tính:	Nam
Ngày, tháng, năm sinh:	25/02/1953
Nơi sinh:	Thị An – Đan Phượng – Hà Nội
Địa chỉ thường trú:	448 Nguyễn Tất Thành - P18 - Quận 4 – TP. HCM
Chuyên môn	
Quá trình công tác:	
- Từ 08/1971 – 03/1976:	- Bộ đội - Thương sỹ trợ lý Quân khu TD 587 –
- Từ 04/1976 – 07/1978:	Quân khu 5



- Từ 08/1978 – 05/1980: - Chuyển ngành tiếp tục học Trung cấp vật tư
- Từ 06/1980– 04/1985: - Cán bộ Phòng Tổ chức - Tổng Công ty Thiết bị, Bộ Vật tư
- Từ 05/1985 – 12/1989: - Cán bộ nhân sự - Liên hiệp cung ứng vật tư KV I - Bộ Vật tư
- Từ 01/1990 – 10/1991: - Phó Phòng Tổ chức-Tổng Công ty Thiết bị -Bộ Vật tư
- Từ 11/1991 – 08/1992: - Cán bộ Phòng Tổ chức - Tổng Công ty Thiết bị Phụ tùng - Bộ Thương mại
- Từ 09/1992 – 12/1999: - Phó Phòng Tổ chức - CTy TBPT TP. HCM
- Từ 01/2000 – 02/2005: - Cửa hàng Trưởng Cửa hàng 9 –Công ty Thiết bị Phụ tùng TP. Hồ Chí Minh
- Từ 03/2005 – 10/2005: - Giám đốc Xí nghiệp sản xuất và kinh doanh vật tư
- Từ 11/2005 – 03/2009: - Công ty Thiết bị Phụ tùng TP. Hồ Chí Minh
- Từ 04/2009 - nay - Trưởng Phòng Kinh doanh dịch vụ - Công ty Cổ phần Thiết bị Phụ tùng Sài Gòn
- Phó Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Thiết bị Phụ tùng Sài Gòn
- Ban Quản lý Dự án Nhà máy Thủy điện Dakglun
- Công ty Cổ phần Thiết bị Phụ tùng Sài Gòn

#### ❖ Danh sách Ban Giám đốc

1. Tổng Giám đốc: NGUYỄN ĐÌNH HIỀN
2. Phó Tổng Giám đốc: NGUYỄN HỮU HƯNG
3. Phó Tổng Giám đốc: TRẦN ĐỨC PHÚ
4. Phó Tổng Giám đốc: LÊ THỊ PHƯƠNG MAI
5. Phó Tổng Giám đốc: ĐÀO XUÂN QUÝ
6. Phó Tổng Giám đốc: PHẠM THỊ NGỌC ANH

Họ và tên:

**PHẠM THỊ NGỌC ANH**

Giới tính:

Nữ

Ngày, tháng, năm sinh:

26/8/1958

Nơi sinh:

Hải Phòng

Quê quán:

TP. HCM

Địa chỉ thường trú:

107/7 Trương Định - P 6 - Quận 3 – TP. HCM

Chuyên môn

Đại học kinh tế quốc dân Kiev

Quá trình công tác:

- Từ 01/1981 – 07/1985: - Nhân viên thống kê Phòng Kế hoạch – Liên hiệp Cung ứng vật tư Khu vực II
- Từ 08/1985 – 02/2001: - Nhân viên thống kê Phòng Kinh doanh - Cty Thiết bị Phụ tùng TP. HCM
- Từ 03/2001 – 02/2005: - Phó Phòng Kinh doanh- Cty TBPT TP. HCM
- Từ 03/2005 – 12/2009: - Trưởng Phòng Kinh doanh đầu tư – Cty CP Thiết bị Phụ tùng Sài Gòn
- Từ 01/2010 – nay: - Phó Tổng Giám đốc Công ty CP TBPT Sài Gòn.



3. Thay đổi Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành trong năm: Không có
4. Quyền lợi của Ban Tổng giám đốc: Tiền lương, Tiền ăn trưa; Tiền thưởng; Tiền du lịch nghỉ mát
5. Số lượng cán bộ, nhân viên và chính sách đối với người lao động
  - Số lượng Cán bộ: 15 người (6 trưởng phòng; 2 phó phòng; 6 giám đốc xí nghiệp; 1 phó giám đốc xí nghiệp); Số lượng nhân viên: 78 người.
6. Chính sách đối với người lao động:
  - Tiền lương tháng, tiền ăn trưa, hằng năm có tổ chức cho CBCNV đi du lịch nghỉ mát; tiền thưởng 3 kỳ trong năm và 1 kỳ toàn năm
  - Thực hiện đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế đầy đủ người lao động trong Công ty.
7. Thay đổi thành viên Hội đồng quản trị, Chủ tịch, Ban Giám đốc, Ban kiểm soát, kế toán trưởng:
  - Trưởng phòng Kế toán cũ: Bà Lý Thị Hồng Vinh – nghỉ hưu 2/2011
  - Trưởng phòng Kế toán mới: Bà Đoàn Thị Kim Khánh

## **PHẦN VIII. THÔNG TIN LIÊN QUAN ĐẾN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN KIỂM SOÁT**

### ***1. Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát.***

- **Thành viên Hội đồng Quản trị.**

**Hội đồng Quản trị gồm 5 thành viên, nhiệm kỳ 5 năm**

1. Ông Nguyễn Đình Hiền - Chủ tịch Hội đồng quản trị
2. Ông Nguyễn Hữu Hưng - Ủy viên
3. Ông Đào Xuân Quý - Ủy viên
4. Ông Trần Đức Phú - Ủy viên
5. Bà Lê Thị Phương Mai - Ủy viên

- **Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát.**

**Ban kiểm soát gồm 3 thành viên, nhiệm kỳ 5 năm**

1. Bà Nguyễn Thanh Tâm - Trưởng ban
2. Ông Phan Quang Thông - Thành viên
3. Ông Hồ Văn Hiệp - Thành viên



**6. Tỷ lệ sở hữu cổ phần, vốn góp của thành viên Hội đồng quản trị.**

STT	Thành viên HĐQT	Chức danh	Tổng số lượng cổ phần nắm giữ đến ngày 9/3/2011	Tỷ lệ sở hữu %
1	Nguyễn Đình Hiền	Chủ tịch HĐQT	410,500	5,09
2	Nguyễn Hữu Hưng	Ủy viên HĐQT	24,224	0,3
3	Đào Xuân Quý	Ủy viên HĐQT	69,916	0,86
4	Trần Đức Phú	Ủy viên HĐQT	513,740	6,37
5	Lê Thị Phương Mai	Ủy viên HĐQT	129,000	1,6

**7. Phụ cấp và thù lao của Hội đồng thành viên và Ban kiểm soát.**

❖ *Phụ cấp và thù lao của Hội đồng thành viên và Ban kiểm soát năm 2010.*

STT	HĐQT & BKS	Chức danh	Phụ cấp (đồng)
1	Nguyễn Đình Hiền	Chủ tịch HĐQT	24.000.000
2	Nguyễn Hữu Hưng	Ủy viên	19.200.000
3	Đào Xuân Quý	Ủy viên	19.200.000
4	Trần Đức Phú	Ủy viên	19.200.000
5	Lê Thị Phương Mai	Ủy viên	19.200.000
6	Nguyễn Thanh Tâm	Trưởng ban kiểm soát	14.400.000
7	Hồ Văn Hiệp	Thành viên	9.600.000
8	Phan Quang Thông	Thành viên	9.600.000
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b>134.400.000</b>



**❖ Kế hoạch phụ cấp và thù lao của Hội đồng thành viên và Ban kiểm soát năm 2011.**

STT	HDQT & BKS	Chức danh	Phụ cấp (đồng)	
1	Nguyễn Đình Hiền	Chủ tịch HDQT	36.000.000	
2	Nguyễn Hữu Hưng	Ủy viên	24.000.000	
3	Đào Xuân Quý	Ủy viên	24.000.000	
4	Trần Đức Phú	Ủy viên	24.000.000	
5	Lê Thị Phương Mai	Ủy viên	24.000.000	
6	Nguyễn Thanh Tâm	Trưởng ban kiểm soát	24.000.000	
7	Hồ Văn Hiệp	Thành viên	12.000.000	
8	Phan Quang Thông	Thành viên	12.000.000	
	<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>180.000.000</b>	

**8. Hoạt động của Hội đồng quản trị.**

**➤ Hoạt động của Hội đồng quản trị**

- Năm 2010, Hội đồng quản trị Công ty cổ phần thiết bị phụ tùng Sài Gòn đã thể hiện rõ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn trong công tác định hướng, chỉ đạo quản lý công ty theo đúng quy định của Pháp luật, Điều lệ, quy chế của công ty và Nghị quyết của Đại hội cổ đông đề ra, đảm bảo lợi ích hợp pháp của Công ty và các cổ đông.
- Hội đồng quản trị đã tổ chức họp hàng tháng để xây dựng chương trình hoạt động tháng, phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên và kiểm tra sát sao tình hình hoạt động kinh doanh của công ty, chỉ đạo kịp thời và theo sát mục tiêu chiến lược.
- Chỉ đạo và ban hành các quy chế phục vụ công tác quản lý điều hành và đưa ra các chủ trương, định hướng cho hoạt động sản xuất kinh doanh và



đầu tư các dự án; sắp xếp bộ máy tổ chức theo hướng tinh gọn, hiệu quả cùng với việc xây dựng định mức tiền lương hợp lý. Thực hiện tốt các quy định thưởng phạt để tạo động lực làm việc cho CBCNV

- Hội đồng quản trị đã thể hiện sự vững vàng trong công tác quản lý doanh nghiệp và đã đạt được kết quả mà Nghị quyết Đại hội cổ đông đã đề ra.

## **9. Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2010**

### **➤ Hoạt động của Ban kiểm soát**

Trong năm 2010, Ban kiểm soát công ty đã thực hiện tốt nhiệm vụ kiểm soát, đã tiến hành kiểm tra, giám sát việc thực hiện việc tuân thủ các quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty trong việc quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của công ty cụ thể là:

- Xem xét tính phù hợp các Quyết định của Hội đồng quản trị, ban giám đốc trong công tác quản lý, kiểm tra trình tự, thủ tục ban hành các văn bản của Công ty, phù hợp với quy định của Pháp luật và Điều lệ của Công ty.
- Tham dự đầy đủ tất cả các phiên họp của Hội đồng quản trị để theo dõi, giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị của Công ty. Kiểm tra và giám sát việc triển khai các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông đối với Hội đồng quản trị và ban tổng giám đốc.
- Kịp thời tham mưu cho Hội đồng quản trị công ty về tài chính, nhân sự và các chính sách đối với người lao động.
- Kiểm tra các báo cáo tình hình quý, năm nhằm đánh giá tình trung thực hợp lý của các số liệu tài chính, đồng thời phối hợp với đơn vị kiểm toán độc lập xem xét ảnh hưởng đến những sai sót kế toán và kiểm toán trọng yếu đến báo cáo tài chính.
- Kiểm soát việc tuân thủ những công bố thông tin của Công ty theo quy định về công bố thông tin đối với công ty cổ phần.

## **10. Thông tin về các giao dịch cổ phiếu/chuyển nhượng phần vốn góp của công ty của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và những người liên quan tới các đối tượng nói trên.**

STT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với cổ đông nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu 8/5/2010		Số cổ phiếu sở hữu 9/3/2011	
			Số CP	Tỷ lệ	Số CP	Tỷ lệ
<b>I</b> <i>Hội đồng quản trị</i>						
1	Nguyễn Đình Hiền	Chủ tịch HĐQT	360.760	4.47	410.500	5.09
2	Nguyễn Hữu Hưng	Ủy viên HĐQT	24.224	0,3	24.224	0,3
3	Đào Xuân Quý	Ủy viên HĐQT	69.916	0,86	69.916	0,86
4	Lê Thị Phương Mai	Ủy viên HĐQT	129.000	1,6	129.000	1,6
5	Trần Đức Phú	Ủy viên HĐQT	496.000	6.15	513.740	6.37
<b>II</b> <i>Ban kiểm soát</i>						
1	Nguyễn Thanh Tâm	Trưởng ban	29.520	0,36	29.520	0,36
2	Hồ Văn Hiệp	Thành viên				
3	Phan Quang Thông	Thành viên				
<b>III</b> <i>Người có liên quan</i>						
1	Bà Trần Thanh Loan	Em Ông Phú			10.010	0,12
2	Bà Trần Thị On	Vợ Ông Đào Xuân Quý	74.400	0,92	0	

### 11. Các dữ liệu thống kê về cổ đông

#### 11.1 Cơ cấu cơ cấu của cổ đông SMA chốt ngày 9/3/2011

STT	Cơ cấu cổ đông	Số lượng cổ đồng	Số lượng cổ phần nắm giữ	Trị giá (đồng)	Tỷ lệ sở hữu
1	Cá nhân trong nước đã lưu ký	318	6,129,344	61.293.440.000	76
2	Cá nhân trong nước chưa lưu ký	61	1,102,502	11.025.020.000	13,67
3	Tổ chức trong nước đã lưu ký	2	209,464	2.094.640.000	2,59
4	Tổ chức trong nước chưa lưu ký	2	539,400	5.394.000.000	6,69
5	Tổ chức nước ngoài	2	17,190	171.900.000	0,21
6	Cá nhân nước ngoài	2	62,100	621.000.000	0,76
	<b>Tổng cộng</b>	<b>387</b>	<b>8,060,000</b>	<b>80.600.000.000</b>	<b>100</b>

**11.2 Cổ đông góp vốn Nhà nước**

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ	Số ĐKKD	Ngày cấp	Nơi cấp	Số CP sở hữu	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	Tổng Cty Kinh doanh và Đầu tư vốn Nhà nước	06 Phan Huy Chú - Hoàn Kiếm - HN	0106000737	18/10/2006	Sở KH & ĐT Hà Nội	409,200	5,07

**11.3 Cổ đông/thành viên góp vốn nước ngoài**

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ	Quốc tịch	Số CP sở hữu	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	Lee Jongwon	1A5-10 Sky Garden, F Tân Phong, Q7, TPHCM	Korea	62,000	0,076%
2	Wataru Miyazawa	6-5-5-603 chourinkan Yamatoshi, Kanagawa-ken, Japan	Japan	100	
3	Credit Suisse (HONG KONG) LTD	45 TH AND 46TH FLOORS, TWO EXCHANGE SQUARE, CONNAUGHT PLACE, CENTRAL, HONGKONG	Hong Kong	14,190	0,017%
4	NEW-S SECURITIES CO., LTD.	EBISU BLDG, 11-10, 3-CHOME, HIGASHI, SHIBUYA-KU, TOKYO	Japan	3,000	0,0037%

TPHCM, ngày 20 tháng 4 năm 2011  
**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

**CHỦ TỊCH***Nguyễn Đình Hiền*